

QUỐC HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Luật số: /2026/QH16

DỰ THẢO 3

27/5/2026

LUẬT

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU
CỦA LUẬT KIẾN TRÚC**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Quốc hội ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiến trúc

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc

1. Bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc là các đặc trưng về tổ chức không gian, hình thức kiến trúc, kỹ thuật xây dựng và cảnh quan phản ánh giá trị văn hóa, lịch sử, tập quán sinh hoạt và điều kiện tự nhiên của cộng đồng dân cư, được hình thành trong một khu vực xác định.

2. Bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc được xác định, nhận diện thông qua các yếu tố sau:

a) Khu vực, tuyến phố, điểm dân cư, công trình có giá trị kiến trúc cần bảo tồn, kế thừa;

b) Các đặc trưng chủ yếu về hình thái không gian, chiều cao, mật độ xây dựng, vật liệu, màu sắc và hình thức kiến trúc tổng thể và tại từng khu vực;

c) Yêu cầu về kế thừa, phát huy giá trị kiến trúc truyền thống phù hợp với điều kiện phát triển đô thị và nông thôn.

3. Ủy ban nhân dân các cấp, theo thẩm quyền, có trách nhiệm xác định và cụ thể hóa nội dung bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc khi tổ chức lập, ban hành quy chế quản lý kiến trúc.”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Kết hợp, kế thừa bản sắc văn hóa dân tộc truyền thống trong kiến trúc và tạo lập phong cách, hình thức kiến trúc hiện đại, tiên tiến, hài hòa với không gian, kiến trúc, cảnh quan chung của khu vực xây dựng công trình kiến trúc; gắn kết kiến trúc khu hiện hữu, khu phát triển mới, khu bảo tồn, khu vực

giáp ranh đô thị và nông thôn, phù hợp với cảnh quan thiên nhiên; ***tạo lập các giá trị đặc trưng của khu vực xây dựng công trình kiến trúc.***”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm c khoản 2 như sau:

“a) Bảo đảm kế thừa giá trị kiến trúc truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc; kết hợp hài hòa giữa truyền thống và hiện đại; ưu tiên sử dụng vật liệu xây dựng địa phương và giải pháp kỹ thuật xây dựng tiên tiến; ***hài hòa với không gian, kiến trúc cảnh quan chung của khu vực xây dựng công trình kiến trúc; phù hợp với cảnh quan thiên nhiên; tạo lập các giá trị đặc trưng của nông thôn;***

b) Bảo đảm tiêu chuẩn về nhà ở, công trình công cộng, không gian sống, không gian văn hóa phù hợp với điều kiện tự nhiên, tập quán sinh hoạt, thuần phong mỹ tục của cộng đồng các dân tộc Đối với ***khu vực có nguy cơ chịu ảnh hưởng của rủi ro thiên tai***, khuyến khích áp dụng mẫu thiết kế kiến trúc cho công trình công cộng và nhà ở nông thôn và bảo đảm yêu cầu về thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai.”.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 như sau:

“1. ***Thiết kế kiến trúc gắn với quá trình thiết kế xây dựng.*** Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức lập nhiệm vụ thiết kế ***xây dựng bao gồm yêu cầu về thiết kế kiến trúc và thiết kế kiến trúc***

2. Thiết kế kiến trúc phải do ***cá nhân, tổ chức*** có đủ ***tiêu chuẩn về năng lực*** thực hiện theo quy định của Luật này.

3. Thiết kế kiến trúc phải xem xét toàn diện các yêu cầu về kinh tế - xã hội, ***quy định của quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn***, công năng, kỹ thuật, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, bản sắc văn hóa dân tộc và các yêu cầu khác đối với công trình; bảo đảm người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em dễ dàng tiếp cận sử dụng; ***khuyến khích*** bình đẳng giới.

4. Hồ sơ thiết kế kiến trúc ***là một thành phần trong hồ sơ thiết kế xây dựng và làm cơ sở cho thiết kế xây dựng.***”.

b) Bổ sung một khoản 4a vào trước khoản 5 như sau:

“4a. ***Khi lập hồ sơ thiết kế kiến trúc phải nghiên cứu, áp dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo; ứng dụng mô hình thông tin công trình để thể hiện giải pháp kỹ thuật về kiến trúc trong hồ sơ thiết kế kiến trúc.***”.

4. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 14 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. ***Quy chế quản lý kiến trúc được lập cho đô thị và nông thôn như sau::***

a) ***Quy chế quản lý kiến trúc đô thị được lập cho thành phố, đô thị, đô thị mới và đặc khu là đô thị; đối với khu vực khác theo yêu cầu quản lý trong đô thị, việc lập quy chế quản lý kiến trúc do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định;***

b) Quy chế quản lý kiến trúc nông thôn được lập cho xã và đặc khu, trừ trường hợp xã, đặc khu được định hướng là đô thị.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

“b) Phù hợp với ***quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn*** đã được phê duyệt và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;”;

c) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 như sau:

“b) Xác định ***các tiêu chí***, yêu cầu về bản sắc văn hóa dân tộc trong kiến trúc của địa phương ***trên cơ sở*** quy định tại khoản 2 Điều 5 của Luật này;”

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập và ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị có phạm vi không gian liên quan đến địa giới của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên; Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập và ban hành quy chế quản lý kiến trúc trong địa bàn do mình quản lý.”.

5. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 15 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ***cấp xã*** xem xét, tổ chức rà soát, đánh giá quá trình thực hiện quy chế quản lý kiến trúc định kỳ 05 năm hoặc quy hoạch chung được phê duyệt hoặc đột xuất để xem xét điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc. Nội dung rà soát, đánh giá quá trình thực hiện quy chế quản lý kiến trúc được thực hiện theo quy định của Chính phủ.”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm a và điểm d khoản 2 như sau:

“a) Có sự điều chỉnh về ***quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn***, thiết kế đô thị và ***điều chỉnh*** địa giới đơn vị hành chính làm ảnh hưởng đến tính chất, chức năng, quy mô khu vực lập quy chế quản lý kiến trúc;

d) Phục vụ lợi ích quốc gia và lợi ích cộng đồng. ***Trường hợp đột xuất cần điều chỉnh thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định nội dung điều chỉnh trên cơ sở kết quả rà soát đột xuất, đánh giá quá trình thực hiện quy chế quản lý kiến trúc.”***

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 như sau:

“4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập điều chỉnh và ban hành quy chế quản lý kiến trúc đô thị có phạm vi không gian liên quan đến địa giới của 02 đơn vị hành chính cấp xã trở lên; Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lập điều chỉnh và ban hành quy chế quản lý kiến trúc trong địa bàn do mình quản lý.”.

6. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 17 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên điều như sau:

“Điều 17. Thi tuyển kiến trúc”

b) Sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 như sau:

“1. **Thi tuyển kiến trúc** là việc tổ chức cuộc thi để chọn phương án kiến trúc **hoặc ý tưởng kiến trúc** tối ưu, đáp ứng yêu cầu về quy hoạch, kiến trúc, văn hóa, hiệu quả kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường.

Công trình xây dựng khẩn cấp, cấp bách, công trình thuộc dự án đầu tư công đặc biệt, công trình thuộc dự án đầu tư công theo thủ tục đầu tư đặc biệt không bắt buộc phải thi tuyển kiến trúc; trường hợp cần thiết phải thi tuyển kiến trúc thì người có thẩm quyền quyết định trên cơ sở bảo đảm tiến độ thực hiện của dự án.

2. Công trình phải **thi tuyển kiến trúc** bao gồm::

a) Công trình công cộng cấp đặc biệt, cấp I và **không bao gồm trung tâm thí nghiệm an toàn sinh học;**

b) Nhà ga hàng không (Nhà ga chính) quy mô cấp đặc biệt, cấp I; công trình là biểu tượng về truyền thống, văn hóa và lịch sử của địa phương; công trình quan trọng, điểm nhấn trong đô thị và trên các tuyến đường chính được xác định trong quy hoạch đô thị và nông thôn **hoặc** thiết kế đô thị **hoặc** quy chế quản lý kiến trúc đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Các công trình kiến trúc khác do cấp có thẩm quyền quyết định theo yêu cầu quản lý phát triển, bảo đảm phù hợp với quy hoạch theo pháp luật đô thị và nông thôn.

3. Việc tổ chức **thi tuyển kiến trúc** được đề xuất trong chủ trương đầu tư hoặc báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

Đối với công trình có vốn ngoài ngân sách, người quyết định đầu tư có thể quyết định tổ chức thi tuyển kiến trúc làm cơ sở đề xuất chủ trương đầu tư và báo cáo nghiên cứu khả thi..

4. Người có thẩm quyền quyết định đầu tư quyết định **việc thi tuyển kiến trúc và công tác tổ chức thi tuyển.**

5. Chi phí **thi tuyển kiến trúc được xác định khi tổ chức thi tuyển** và được tính trong tổng mức đầu tư của dự án.”.

7. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 19 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên điều như sau:

“Điều 19. Hành nghề kiến trúc”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

“1. Hành nghề kiến trúc là hoạt động tư vấn, chuyên môn về kiến trúc trong quá trình thiết kế xây dựng.”.

c) Sửa đổi, bổ sung tên khoản 2 và điểm b khoản 2 như sau:

“2. Hành nghề kiến trúc gồm các công việc sau:”.

b) Thiết kế kiến trúc trong **quy hoạch theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn;**”.

8. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:

“Điều 21. Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc

1. Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc được phân thành các mức độ phù hợp với phạm vi và trách nhiệm hành nghề, là căn cứ để quản lý, kiểm tra, đánh giá hoạt động hành nghề kiến trúc; việc hành nghề kiến trúc phải tuân thủ quy tắc ứng xử nghề nghiệp theo quy định của Luật này.

2. Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc gồm:

a) Có trình độ đào tạo từ đại học trở lên thuộc lĩnh vực kiến trúc;

b) Có kinh nghiệm tham gia hành nghề kiến trúc tối thiểu 03 năm trong tổ chức hành nghề kiến trúc hoặc hợp tác với kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân; trong đó, tham gia, hoàn thành thiết kế tối thiểu 02 công trình xây dựng cấp 1 hoặc 02 công trình kiến trúc có yêu cầu thiết kế phức tạp tương tự trở lên;

c) Đáp ứng yêu cầu về phát triển nghề nghiệp liên tục.

3. Tiêu chuẩn năng lực chuyên môn tối thiểu đối với cá nhân tham gia hành nghề kiến trúc là trình độ đào tạo đại học trở lên thuộc lĩnh vực kiến trúc.

4. Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thực hiện các công việc quy định tại các điểm a, b và g khoản 2 Điều 19 của Luật này, cá nhân chịu trách nhiệm chuyên môn về kiến trúc trong tổ chức hành nghề kiến trúc, kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều này hoặc có chứng chỉ hành nghề kiến trúc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp theo quy định của Luật này.

5. Kiến trúc sư hành nghề đã được cấp chứng chỉ thừa nhận về hành nghề kiến trúc theo thỏa thuận quốc tế đã ký kết hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên được đảm nhận vị trí chủ nhiệm thiết kế, chủ trì thiết kế khi tham gia hành nghề kiến trúc.

9. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 như sau:

“Điều 24. Cơ sở dữ liệu hành nghề kiến trúc

1. Cơ sở dữ liệu hành nghề kiến trúc bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc;

b) Cơ sở dữ liệu về tổ chức hành nghề kiến trúc.

2. Cơ sở dữ liệu hành nghề kiến trúc được thu thập khi cơ quan nhà nước thực hiện công tác quản lý về kiến trúc, thẩm định thiết kế xây dựng và do cá nhân hành nghề kiến trúc, tổ chức hành nghề kiến trúc đăng ký, cập nhật trên Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng; bảo đảm theo quy định của Chính phủ về Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.”.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 25 như sau:

“Điều 25. Kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân

1. Kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân là kiến trúc sư *đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 21 của Luật này* không thuộc tổ chức hành nghề kiến trúc, nhân danh cá nhân mình *trực tiếp hành nghề* kiến trúc.

2. Kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân *được trực tiếp hành nghề* kiến trúc theo hợp đồng đã giao kết với tổ chức, cá nhân theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. *Kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân được phép thành lập văn phòng kiến trúc để hoạt động theo quy định đối với hộ kinh doanh cá thể tại pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật khác có liên quan và phù hợp với quy định của Luật này.*”.

11. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 26 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên điều như sau:

“Điều 26. Đăng ký hành nghề kiến trúc và cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 như sau:

“1. Cá nhân hành nghề kiến trúc có trách nhiệm đăng ký, đăng tải thông tin về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc của mình trên Cổng thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng để tham gia hành nghề kiến trúc. Thông tin, tài liệu đăng ký, đăng tải gồm:

a) Bằng tốt nghiệp đại học về lĩnh vực kiến trúc và văn bằng khác có liên quan;

b) Bản kê kinh nghiệm hành nghề kiến trúc (nếu có) và tài liệu chứng minh;

c) Thông tin về việc đáp ứng yêu cầu phát triển nghề nghiệp (nếu có) và các tài liệu chứng minh;

d) Chứng chỉ hành nghề kiến trúc, chứng chỉ thừa nhận lẫn nhau theo thỏa thuận hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia hoặc ký kết (nếu có);

đ) Cá nhân hành nghề kiến trúc chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc. Thông tin về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc nêu trên phải được cá nhân hành nghề kiến trúc cập nhật định kỳ mỗi 02 năm.

2. *Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc:*

a) Cá nhân đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại khoản 2 Điều 21 của Luật này, nếu có nhu cầu, gửi yêu cầu kèm theo thông tin tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 27

của Luật này thông qua Cổng dịch vụ công quốc gia để được cấp chứng chỉ hành nghề;

b) Trong thời gian 05 ngày làm việc, cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này xem xét, cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc bằng hình thức văn bản hoặc điện tử cho cá nhân có nhu cầu.”.

12. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 27 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên điều như sau:

“Điều 27. Thẩm quyền cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề kiến trúc; thời hạn của chứng chỉ hành nghề kiến trúc”

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 như sau:

*“Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền cấp, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc **theo quy định của Chính phủ.**”*

13. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 30 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 như sau:

“a) Không hành nghề hoặc không cập nhật thông tin về tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc trong 03 năm liên tục;”;

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 2 như sau:

*“ b) Thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong Chứng chỉ hành nghề kiến trúc **hoặc cấp lại đối với trường hợp chứng chỉ hành nghề kiến trúc đã hết thời hạn bị thu hồi.**”;*

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 và khoản 4 như sau:

*“3. Trường hợp bị thu hồi, Chứng chỉ hành nghề kiến trúc chỉ được cấp lại sau 12 tháng kể từ ngày bị thu hồi **và phải** bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 26 của Luật này..*

4. Cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này thực hiện rà soát hàng năm thông tin hành nghề kiến trúc để quản lý, theo dõi và quyết định việc thu hồi chứng chỉ hành nghề kiến trúc, thực hiện cấp lại theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Luật này.”;

d) Bổ sung khoản 5 sau khoản 4 như sau:

“5. Kết quả rà soát thông tin hành nghề kiến trúc và tình hình xử lý liên quan đến tiêu chuẩn năng lực chuyên môn hành nghề kiến trúc được cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 27 của Luật này báo cáo định kỳ hằng năm về Bộ Xây dựng.”.

14. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 31 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm c khoản 1 như sau:

“a) Có chứng chỉ hành nghề kiến trúc còn thời hạn hiệu lực, do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc có bằng tốt nghiệp đại học về lĩnh vực kiến trúc và bản kê kinh nghiệm hành nghề tối thiểu 03 năm sau khi tốt nghiệp đại học về lĩnh vực kiến trúc hoặc có chứng chỉ thừa nhận về hành nghề kiến trúc theo thỏa thuận quốc tế đã ký kết hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên;

c) Có giấy phép lao động theo pháp luật của Việt Nam (trừ trường hợp được miễn).”;

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau:

“2. Các tài liệu quy định tại điểm a khoản này phải được dịch và công chứng sang tiếng Việt.”.

15. Sửa đổi, bổ sung một số điểm, khoản của Điều 32 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung tên điều như sau

“Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của kiến trúc sư hành nghề kiến trúc”

b) Sửa đổi, bổ sung khổ đầu tiên và các điểm a, điểm c khoản 1 như sau:

“1. Kiến trúc sư hành nghề kiến trúc có quyền sau đây:

a) Thực hiện các công chuyên môn kiến trúc;

c) Yêu cầu chủ đầu tư cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến công việc thiết kế kiến trúc được giao;”

c) Sửa đổi, bổ sung khổ đầu tiên của khoản 2 như sau:

“2. Kiến trúc sư hành nghề kiến trúc có nghĩa vụ sau đây:”.

16. Bãi bỏ các khoản, điều sau:

a) Bãi bỏ điểm c, d khoản 2 và khoản 3, khoản 4 Điều 26;

c) Bãi bỏ Điều 28;

d) Bãi bỏ Điều 29;

đ) Bãi bỏ điểm a, b khoản 2 và khoản 3 Điều 31;

e) Bãi bỏ Điều 39;

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiến trúc có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 03 năm 2027.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Quy chế quản lý kiến trúc đã được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện đến khi được điều chỉnh quy chế quản lý kiến trúc theo quy định tại Điều 15 Luật này.

2. Các quy chế quản lý kiến trúc đang được trình phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì được tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo quy định của Luật này.

3. Các chứng chỉ hành nghề kiến trúc đã được cấp cho cá nhân theo quy định tại Luật số 40/2019/QH14 có giá trị đến khi hết thời hạn sử dụng trừ trường hợp bị thu hồi theo quy định của Luật này; trường hợp bị mất hoặc hư hỏng thì được cấp lại theo quy định của Luật này.

4. Các chứng chỉ hành nghề kiến trúc đã được trình cơ quan có thẩm quyền để cấp, cấp lại, chuyển đổi, công nhận mà chưa được cấp, cấp lại, chuyển đổi, công nhận thì tiếp tục thực hiện hoặc hoàn thiện hồ sơ để thực hiện các bước tiếp theo theo quy định của Luật này và không cần thông qua Hội đồng xét duyệt chứng chỉ hành nghề kiến trúc theo quy định của Luật số 40/2019/QH14.

Luật này được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XVI, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI